

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày: 15/7/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Văn Tám.

Ông Hoàng Sỹ Sự.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Duy Hoàng Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Phạm Ngọc K;** sinh năm 1977; tại: Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc P và bà Phùng Thị C; có vợ là Hà Thị Bích L và 02 con sinh năm 2004 và năm 2006; tiền án: Tại bản án số 38/2017/HSST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 20/2011/HSPT ngày 23/02/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lâm Hà. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Đỗ Văn T;** sinh năm 1969; tại: Hưng Yên; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số 3/2 K, phường xx, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N và bà Phan Thị C; vợ là Phạm Thị S và 02 con sinh năm 1993 và năm 2000; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**3. Hà Văn M;** sinh năm 1975; tại: Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Tạm trú: Số xx, T, phường x, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc M (đã chết) và bà Hà Thị K; có vợ là Hoàng Thị H và 02 con sinh năm 1995 và năm 2000; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 40/2006/HSPT ngày 25/5/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 04 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Ông Trần Văn C, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Lê Thị G, sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: xx đường Lương Thế V, phường xx, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: Số 3/2 đường K, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Số xxx, đường H, phường x, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 06 giờ 00 phút ngày 13/02/2020, bị cáo Phạm Ngọc K đi bộ một mình từ tổ dân phố X, thị trấn Đình đến bờ hồ Ủy ban nhân dân huyện L để mua ma túy sử dụng, khi đi đến trước cổng Trường trung học phổ thông Lâm Hà thì K phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49D1-232.92 màu vàng đen để trên vỉa hè trước cổng trường có chìa khóa trên xe, không ai trông coi. Lúc này, K nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe máy trên mang

bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên quan sát xung quanh thấy không ai để ý, K mở khóa xe nổ máy điều khiển đi về hướng xã N, huyện Lâm Hà. Khi đi đến dốc ông Q, K chạy vào khu vực đồi thông cách đường nhựa khoảng 20m thì dừng lại. Tại đây, K mở cốp xe ra thì phát hiện có 01 ví nữ, mở ví ra kiểm tra thấy có tiền, K lấy hết bỏ vào túi quần rồi giấu xe tại đây và đi bộ về thị trấn Nam Ban. Trên đường đi K kiểm tra số tiền lấy trong ví được 16.600.000đ. Số tiền này K sử dụng tiêu xài cá nhân và trên đường về nhà đã làm rơi hết số tiền còn lại.

Đến sáng ngày 15/02/2020, K gọi điện thoại cho Đỗ Văn T, hỏi bán xe lấy trộm được không có giấy tờ thì T đồng ý mua. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T nói với Hà Văn M về việc K có chiếc xe lấy trộm được muốn bán và rủ M đi xem xe, thì M đồng ý. Cả hai đi đến thị trấn Nam Ban gọi K rồi cả 3 cùng nhau đi đến vị trí K giấu xe. Tại đây K nói xe lấy trộm không có giấy tờ và mở cốp xe lấy chiếc ví trong xe cất vào người, T xem xe và đồng ý mua rồi nhờ M điều khiển xe về giúp và hẹn K đến sáng ngày 16/02/2020 trả tiền. Sau khi lấy chiếc ví K kiểm tra thấy có giấy đăng ký của chiếc xe trên thì lấy cất trong người còn một số giấy tờ cá nhân K vứt cùng với ví vào vườn cà phê trên đường đi. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 16/02/2020, K đi đến nhà T tại TP Đà Lạt đưa giấy đăng ký xe và đồng ý bán với giá 6.000.000đồng. Toàn bộ số tiền trên K đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe, T hỏi bán lại cho ông Nguyễn Văn H nhưng H không mua mà giới thiệu cho em rể là Nguyễn Văn T1 mua lại với giá 8.000.000đồng, khi mua T cho xem giấy tờ đăng ký xe và viết giấy mua bán xe. Số tiền này T đưa cho vợ là Phạm Thị S giữ.

Ngoài ra trước đó Phạm Ngọc K còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau: Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/01/2020, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49V9 – 7382 hiệu Yamaha Sirius của K đến xã Gia Lâm để trộm cắp tài sản vì trước đó K thấy ở khu vực bãi đất trống cạnh nhà anh Trần Văn C có phơi cà phê nhiều sơ hở nên có ý định lấy trộm. Khi đến khu vực trên, K để xe ở bãi đất trống rồi đến chỗ phơi cà phê thì thấy Phạm Văn N đang hót cà phê vào bao. Nhận ra người quen, K hỏi “Hót ở đây à”, Nam trả lời “Ừ”, thì K lấy 01 bao tải màu trắng ở sân hót cà phê đang phơi vào bao, do K thấy hót lâu nên đến chỗ các bao cà phê tươi đã cột miệng bao (Gia đình anh C mới thu hoạch chưa đổ ra phơi) vác 04 bao và lấy bao đang hót dở cà phê đang phơi ra chỗ để xe. K để 02 bao cà phê tươi lên xe chở đến khu vực nghĩa trang thôn 3, xã Gia Lâm cất giấu rồi quay lại chở tiếp số cà phê phơi còn lại. Khi đang đi đến đoạn đường nhựa thuộc thôn Q, xã G thì bị Công an xã G đi tuần tra bắt quả tang, thu giữ của K 04 bao cà phê tươi và 01 bao vơi cà phê đang phơi; 01 xe mô tô hiệu Yamaha

Sirius, biển kiểm soát 49V9 – 7382, số máy 5C61-019152, số khung RLCS 5C610-6Y019152; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung GT – E1200Y. Còn Phạm Văn N do trước đó phát hiện ở sân phơi cà phê của nhà anh C có nhiều sơ hở nên khoảng 01<sup>h</sup>30’ ngày 06/01/2020, Nam điều khiển xe mô tô hiệu Max II đến gần khu vực trên giấu xe rồi đi bộ đến bãi phơi cà phê lấy bao tải ở đó hốt cà phê đang phơi vào bao được 02 bao vội thì vác đến chỗ để xe rồi đổ dồn lại thành bao đầy. Sau khi lấy được 02 bao đầy và đang hốt tiếp thì thấy K đến, lúc này Nam cũng đến vác thêm 02 bao cà phê tươi và lấy bao đang hốt dở cà phê đang phơi ra xe rồi chở số cà phê này đến khu vực gần nghĩa trang để ở bên đường, trong lúc đang đứng nghỉ thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ: 05 bao cà phê; 01 xe mô tô hiệu Max II, không có biển kiểm soát; 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2.

Qua kiểm tra xác định số cà phê mà Phạm Văn N lấy trộm gồm: 86kg cà phê khô và 82 kg cà phê tươi, loại Robusta. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt định giá là 1.854.800đồng. Đối với số cà phê mà Phạm Ngọc K lấy trộm được xác định 176 kg cà phê tươi và 14 kg cà phê khô, loại Robusta. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt định giá là 1.381.800đồng.

Qua điều tra xác định Phạm Văn N và Phạm Ngọc K tình cờ gặp nhau và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh C mà trước đó cả hai không có sự bàn bạc, thống nhất cũng như câu kết với nhau cùng thực hiện tội phạm, vì vậy Nam và K không đồng phạm về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 05/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để xét xử bị can về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị can Đỗ Văn T và Hà Văn M về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, không khiếu nại hay thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Ngọc K về tội: “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đỗ Văn T và Hà Văn M về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc K từ 30 đến 36 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12

đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; **Điều 36** Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn M từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Phạm Ngọc K phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị Hồng Vân số tiền là 16.600.000đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*).

+ Trả cho bị cáo Phạm Ngọc K chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung GT – E1200Y đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

*(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09/6/2020)*

Buộc bị cáo Phạm Ngọc K phải nộp lại số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lâm Hà 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 49V9 – 7382, số máy 5C61-019152, số khung RLCS 5C610-6Y019152 để điều tra làm rõ, xử lý sau.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phạm Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc K, Đỗ Văn T và Hà Văn M đã khai nhận: Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 13/02/2020, bị cáo Phạm Ngọc K đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49 D1 – 323.92 do chị Lê Thị Hồng Vân để trên vỉa hè trước cổng trường trung học phổ thông Lâm Hà, giá trị chiếc xe mô tô trên theo định giá của cơ quan chuyên môn là 15.720.000đồng. Sau khi lấy trộm được xe mô tô bị cáo K đã liên lạc với bị cáo Đỗ Văn T nhờ T giới thiệu chỗ bán xe mới trộm cắp được mà có, bị cáo T biết nguồn gốc chiếc xe là do trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý mua nhằm mục đích để bán kiếm lời, đồng thời, bị cáo T nói cho bị cáo M biết về việc bị cáo T mua xe trộm cắp được mà có nên rủ bị

cáo M đi coi xe và nhờ bị cáo M điều khiển xe mô tô đưa về nhà bị cáo T cất giấu.

Ngoài lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô của chị Lê Thị Hồng Vân, bị cáo K còn lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 190 kg cà phê tươi của anh Trần Văn Cường, theo định giá của cơ quan chuyên môn số cà phê trên có giá trị là 1.381.800 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, tang vật thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Phạm Ngọc K phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn T, Hà Văn M phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất vụ án nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây nên sự nghi ngờ mất đoàn kết trong nội bộ quần chúng nhân dân, đồng thời tác động xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà mình đã thực hiện.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Phạm Ngọc K lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở, mất cảnh giác trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49 D1 – 323.92 theo định giá của cơ quan chuyên môn là 15.720.000 đồng, đây là loại tài sản có giá trị dễ tiêu thụ, sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo liên lạc với người ở địa phương khác để tiêu thụ và sử dụng toàn bộ số tiền có được do bán xe trộm cắp mà có để sử dụng cá nhân và mua ma túy để sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Đỗ Văn T biết chiếc xe do trộm cắp mà có nhưng vì mục đích vụ lợi nên đồng ý mua xe để bán với mục đích kiếm lời nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình nhưng sau bị cáo K. Bị cáo Hà Văn M biết xe bị cáo T mua xe là do trộm cắp mà có, mặc dù bị cáo M không được bị cáo T hứa hẹn hưởng lợi từ việc tiêu thụ tài sản trộm cắp nhưng bị cáo M vẫn đồng ý điều khiển xe đưa về nhà bị cáo T cất giấu nên bị cáo M phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình nhưng sau bị cáo K và bị cáo T là phù hợp.

Xét nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Phạm Ngọc K có nhân thân không tốt, năm 2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về

tội: “Trộm cắp tài sản”, đến năm 2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Sau khi chấp hành án xong được tái hòa nhập cộng đồng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân để tu dưỡng trở thành người lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật mà lại nghiện ma túy và tiếp tục phạm tội cùng tính chất chứng tỏ bản chất con người không tốt và coi thường kỷ cương, pháp luật. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên và phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Đỗ Văn T là dân lao động, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội vì mục đích vụ lợi. Bị cáo Hà Văn M đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích nhưng vì cả nể nên đã có hành vi giúp sức cho bị cáo T trong việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Đỗ Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo Phạm Ngọc K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo có điều kiện rèn luyện bản thân, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Đỗ Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Hà Văn M có vai trò đồng phạm không đáng kể trong vụ án, bị cáo đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị cáo T và bị cáo M có nơi cư trú ổn định, rõ ràng để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo T và bị cáo M ra ngoài xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình theo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Hà Văn M chỉ cần xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo biết sống tuân thủ pháp luật, trở thành người công dân lương thiện và không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Văn Nam chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Hà ra quyết định xử phạt hành chính đối với Phạm Văn Nam số tiền 1.500.000đồng và chuyển 01 điện thoại di động hiệu Nokia X2 theo hồ sơ xử lý hành chính nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. Đối với 01 xe mô tô hiệu Max II, không có biển kiểm soát đã thu giữ của Nam chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Hà tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn Thống là người đã mua chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49D1 – 232.92 của bị cáo T, khi mua anh Thống không biết đó là xe do trộm cắp mà có. Vì vậy không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với chị Phạm Thị Sập được bị cáo T đưa số tiền do bán xe trộm cắp mà có, chị Sập không biết nguồn gốc số tiền trên, do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[3] Về Trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Lê Thị Hồng V là chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49 D1 – 323.92 cơ quan điều tra xác định chiếc xe này do bà Lê Thị G là chủ sở hữu, bà G cho chị V mượn. Hiện nay, cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho bà G, tại phiên tòa hôm nay bà G không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. Đối với chiếc ví trong đó có số tiền 16.600.000đồng và một số giấy tờ cá nhân của chị Vân để trong cốp xe bị bị cáo trộm cắp. Tại phiên tòa hôm nay chị V yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 16.600.000đồng còn đối với chiếc ví và một số giấy tờ cá nhân thì chị V không yêu cầu gì. Bị cáo K đồng ý bồi thường cho chị V số tiền là 16.600.000đồng nên ghi nhận. Anh Trần Văn C vắng mặt, trong hồ sơ thể hiện anh C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị bị cáo K trộm cắp là 190 kg cà phê loại Robusta nên không có ý kiến và yêu cầu gì. Anh Nguyễn Văn T1 đã được gia đình bị cáo T bồi thường lại số tiền 8.000.000đồng, tại phiên tòa anh T1 vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án anh T1 cũng không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.



[4] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan thu giữ của bị cáo Phạm Ngọc K 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 49V9 – 7382, số máy 5C61-019152, số khung RLCS 5C610-6Y019152 hiện chưa xác minh được chủ sở hữu nên giao cho công an huyện Lâm Hà tạm giữ chiếc xe trên điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung GT – E1200Y của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả cho bị cáo. Đối với số tiền 6.000.000đồng bị cáo bán xe trộm cắp được mà có là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Phạm Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đỗ Văn T và Hà Văn M phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc K 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; **Điều 65** Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2020).

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Đã giải thích chế định chấp hành án treo cho bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; **Điều 36** Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn M 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hà Văn M cho Ủy ban nhân dân phường 04, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo Hà Văn M phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Hà Văn M.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên:

+ Trả cho bị cáo Phạm Ngọc K chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung GT – E1200Y đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

*(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09/6/2020)*

Buộc bị cáo Phạm Ngọc K phải nộp lại số tiền 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lâm Hà 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 49V9 – 7382, số máy 5C61-019152, số khung RLCS 5C610-6Y019152 và 01 xe mô tô hiệu Max II, không có biển kiểm soát để điều tra làm rõ, xử lý sau.

3. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc K phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Lê Thị Hồng Vân số tiền là 16.600.000đồng (*Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án khi án đã có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Phạm Ngọc K phải nộp 830.000đồng (*Tám trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2020), riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Thi hành án huyện Lâm Hà;
- Cơ quan THAHSCA huyện Lâm Hà;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thúy**